

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 55/2023/DS-ST
Ngày 26 tháng 5 năm 2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU,
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Phụng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Sĩ Tiến.
2. Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vững - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lương Ngọc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 44/2023/TLST-DS ngày 22-02-2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXXST-DS ngày 26-4-2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2023/QĐST-DS ngày 11-5-2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S. Địa chỉ: Số B đường N, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là: Chị Lê Thị Phương T, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Số F đường C, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, là người đại diện theo ủy quyền (theo giấy ủy quyền số 18/GUQ-CNBRVT ngày 01-11-2022). (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Hồ Thị N, sinh năm: 1991, địa chỉ: Số C đường B, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng TMCP S (Viết tắt S1) và chị Hồ Thị N ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 21-7-2017 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Theo đó, S1 cho chị N vay hạn mức 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), lãi suất trong hạn 2,5%/tháng, lãi quá hạn 150% lãi trong hạn. Mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng chị N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 23.616.500đ (Hai mươi ba triệu sáu trăm mười sáu ngàn năm trăm đồng). Tính đến ngày 24-5-2023 chị N còn nợ số tiền gốc và lãi là 60.884.061đ (Sáu mươi triệu tám trăm tám mươi bốn ngàn không trăm sáu mươi một đồng) trong đó gồm nợ gốc là 21.021.852đ (Hai mươi một triệu không trăm hai mươi một ngàn tám trăm năm mươi hai ngàn), lãi quá hạn 39.862.209đ (Ba mươi chín triệu tám trăm sáu mươi hai ngàn hai trăm lẻ chín đồng).

S1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc: Chị N thanh toán tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 26-5-2023 là 60.884.061đ (Sáu mươi triệu tám trăm tám mươi bốn ngàn không trăm sáu mươi một đồng) trong đó gồm nợ gốc là 21.021.852đ (Hai mươi một triệu không trăm hai mươi một ngàn tám trăm năm mươi hai ngàn), lãi quá hạn 39.862.209đ (Ba mươi chín triệu tám trăm sáu mươi hai ngàn hai trăm lẻ chín đồng); Chị N phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 27-5-2023 cho đến khi chị N trả xong nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng.

2. *Đối với bị đơn chị Hồ Thị N:* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị N đến Tòa án làm việc nhưng chị N không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Sau đó Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ của chị N tại Công an phường R, thành phố V thì chị N có đăng ký cư trú tại địa chỉ số C đường B, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với chị N theo quy định pháp luật.

3. *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:* Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa có căn cứ xác định bị đơn chị N có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 21-7-2017 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 23.616.500đ (Hai mươi ba triệu sáu trăm mười sáu ngàn năm trăm đồng). Tuy nhiên, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền gốc, lãi suất phát sinh. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn S1 buộc chị N thanh toán trả cho S1 số tiền tính đến ngày 26-5-2023 là 60.884.061đ (Sáu mươi triệu tám trăm tám mươi bốn ngàn không trăm sáu mươi một đồng) trong đó gồm nợ gốc là 21.021.852đ (Hai mươi một triệu không trăm hai mươi một ngàn tám trăm năm mươi hai ngàn), lãi quá hạn 39.862.209đ (Ba mươi chín triệu tám trăm sáu mươi hai ngàn hai trăm lẻ chín đồng) và chị N phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 27-5-2023 cho đến khi chị N trả xong nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] S1 khởi kiện yêu cầu chị N thanh toán trả số tiền còn nợ gốc, lãi theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 21-7-2017 giữa S1 và chị N đã ký nên đây là quan hệ tranh chấp về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và bị đơn chị N có đăng ký cư trú tại thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[1.2] Bị đơn chị N có đăng ký cư trú tại địa chỉ số C đường B, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nhưng đã bán nhà không còn sinh sống tại địa chỉ này. Xét thấy, chị N chuyển đi nơi khác nhưng không thông báo cho chính quyền địa phương và S1 nơi chị N chuyển đến nên thuộc trường hợp cố tình che giấu địa chỉ. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với chị N theo quy định pháp luật. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị N.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của S1 thì thấy:

Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 21-7-2017 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Bảng tóm tắt sao kê ngày 26-5-2023 thì chị N vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền gốc, lãi suất phát sinh theo thỏa thuận của Hợp đồng. Vì vậy, S1 yêu cầu chị N trả tiền nợ gốc và lãi suất là đúng quy định tại Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[3] Về yêu cầu khởi kiện trả tiền nợ gốc và lãi quá hạn theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 21-7-2017:

[3.1] Đối với yêu cầu chị N trả số tiền nợ gốc là 21.021.852đ: Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 21-7-2017, chị N thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 23.616.500đ. Tính đến ngày 26-5-2023 chị N còn nợ gốc chưa thanh toán cho S1 số tiền là 21.021.852đ. Như vậy, chị N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc cho S1. Do đó, S1 yêu cầu chị N thanh toán trả số tiền nợ gốc còn lại là 21.021.852đ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc chị N phải thanh toán số tiền nợ gốc là 21.021.852đ (Hai mươi một triệu không trăm hai mươi một ngàn tám trăm năm mươi hai đồng) cho S1.

[3.2] Về yêu cầu tiền lãi quá hạn tính đến ngày 26-5-2023 là 39.941.040đ: Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 21-7-2017 hai bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 2,5%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Xét, chị N vi phạm nghĩa vụ thanh toán được thể hiện tại các bảng tính lãi theo tài khoản ngày 26-5-2023 do S1 cung cấp thì chị N nợ tổng số tiền lãi quá hạn là

39.941.040đ. Do đó, S1 yêu cầu chị N trả tiền lãi quá hạn là 39.941.040đ là đúng, phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của S1 buộc chị N phải thanh toán tiền lãi quá hạn là 39.941.040đ (Ba mươi chín triệu chín trăm bốn mươi một ngàn không trăm lẻ bốn đồng) cho S1.

[3.3] Đối với yêu cầu chị N trả tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 27-5-2023 đến khi trả xong nợ: Yêu cầu này của S1 là phù hợp với quy định của pháp luật và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng các bên đã ký kết. Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17-10-2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, chị N phải thanh toán tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 27-5-2023 cho đến khi thanh toán xong nợ cho S1.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của S1 được chấp nhận là 3.044.203đ (Ba triệu không trăm bốn mươi bốn ngàn hai trăm lẻ ba đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17-10-2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn chị Hồ Thị N.

Buộc chị Hồ Thị N phải có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền là 60.884.061đ (Sáu mươi triệu tám trăm tám mươi bốn ngàn không trăm sáu mươi một đồng) trong đó gồm nợ gốc là 21.021.852đ (Hai mươi một triệu không trăm hai mươi một ngàn tám trăm năm mươi hai ngàn), lãi quá hạn 39.862.209đ (Ba mươi chín triệu tám trăm sáu mươi hai ngàn hai trăm lẻ chín đồng) theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 21-7-2017.

Kể từ ngày 27-5-2023, chị Hồ Thị N còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 21-7-2017 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất chị N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP S cũng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng tổ chức tín dụng cho vay.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn chị N phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.044.203đ (Ba triệu không trăm bốn mươi bốn ngàn hai trăm lẻ ba đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP S là 1.300.000đ (Một triệu ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003845 ngày 20-02-2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên, các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND Tp. VT;
- Chi Cục THA DS Tp.VT;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Phụng

